

Bản án số: 55/2025/HS-ST
Ngày: 15-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Long Giang;

Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Duy Mỹ Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 129/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Văn D, sinh năm 1986 tại Cà Mau; nơi thường trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn C và bà Bùi Thị Mỹ H; có 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 31 tháng 8 năm 2022, có mặt.

2. Phan Thị Mỹ L, sinh năm 1994 tại Kiên Giang; nơi thường trú: ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nơi tạm trú: đường D, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn G và bà Lê Thị N; có 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Phan Thị Trúc M, sinh năm 2003 tại Kiên Giang; nơi thường trú: ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nơi tạm trú: đường D, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn G và bà Lê Thị N; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Dương Văn H1, sinh năm 2002 tại Cà Mau; nơi thường trú: ấp N, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau; nơi tạm trú: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn H2 và bà La Thúy H3; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Nguyễn Thị T, sinh năm 1991 tại Cà Mau; nơi thường trú: ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau; nơi tạm trú: ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị L1; có 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Thị Mỹ L và bị cáo Phan Thị Trúc M: Ông Nguyễn Thiện Đ, Luật sư Công ty L2; địa chỉ: đường Đ, khu A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Huỳnh Văn G1, sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Huỳnh Văn D, Phan Thị Mỹ L, Phan Thị Trúc M, Dương Văn H1, Nguyễn Thị T là bạn bè quen biết với nhau.

Vào tháng 10 năm 2021, D lên mạng xã hội Facebook thì thấy tài khoản Facebook có tên "Trung tâm dạy nghề 14" và "Trung tâm H4" quảng cáo dịch vụ làm giấy phép lái xe giả, các loại bằng cấp, chứng chỉ giả nên D nảy sinh ý định đặt làm giấy phép lái xe hạng A1 giả từ các trang Facebook trên để bán lại cho người khác nhằm mục đích thu lợi bất chính.

D sử dụng tài khoản Facebook "Huỳnh Dện" để liên hệ với các tài khoản Facebook trên, thì được hướng dẫn liên hệ với các tài khoản Zalo "Giang Giang" và "Trần Gia K" để đặt làm các loại giấy phép lái xe, chứng chỉ, bằng cấp giả. Sau đó, D sử dụng tài khoản Facebook "Huỳnh Dện" đăng tải bài viết nhằm tìm kiếm người có nhu cầu làm bằng lái xe hạng A1 thì liên hệ với D. Để tạo lòng tin D còn cam kết các giấy phép lái xe hạng A1 do Dện làm là thật, có đầy đủ hồ sơ gốc, quét mã QR sẽ hiện ra thông tin cá nhân bởi vì Dện quen biết với những người làm ở trung tâm sát hạch lái xe, đang dịch bệnh Covid 19 nên không tô

chức thi sát hạch, chỉ cần cung cấp thông tin cá nhân, hình ảnh, đóng lệ phí thì sẽ được cấp giấy phép lái xe hạng A1 và không cần tham gia thi sát hạch lái xe.

Từ tháng 10 năm 2021 đến tháng 01 năm 2022, D đã 04 lần liên hệ qua mạng xã hội Facebook, Z để đặt làm tổng cộng: 01 (một) chứng chỉ đào tạo vận hành thiết bị nâng giả; 05 giấy phép lái xe hạng A1 giả; 05 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe giả và 05 giấy khám sức khỏe của người lái xe giả, thu lợi bất chính tổng số tiền là 2.500.000 đồng, nội dung cụ thể các lần như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 10 năm 2021, Phan Thị Mỹ L thấy thông tin D đăng tải về việc làm giấy phép lái xe hạng A1, có hồ sơ gốc kèm theo mà không cần thi sát hạch trên mạng xã hội Facebook, nên L nói cho em ruột mình là Phan Thị T2 Muội biết sự việc làm giấy phép lái xe hạng A1 có hồ sơ gốc kèm theo như trên thì M nói L đặt làm dùm mình, L đồng ý. Ngày 18 tháng 10 năm 2021, M sử dụng tài khoản Zalo của mình gửi hình ảnh chân dung, hình ảnh 02 mặt chứng minh nhân dân của M đến tài khoản Zalo của L để nhờ L đặt làm 01 giấy phép lái xe hạng A1. L sử dụng tài khoản Facebook của mình gửi hình ảnh chân dung, hình ảnh 02 mặt chứng minh nhân dân của L và M đến tài khoản Facebook của Huỳnh Văn D, đặt làm 02 bộ giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Phan Thị Mỹ L, Phan Thị Trúc M. Sau đó, D liên gửi các hình ảnh và thông tin của L, M đến tài khoản Zalo mang tên "G" để đặt làm 02 bộ giấy phép lái xe bao gồm: 02 giấy phép lái xe hạng A1, 02 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 02 giấy khám sức khỏe của người lái xe giả, có thông tin cá nhân, hình ảnh của L và M. Đến khoảng 02 tuần sau, D được một người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) hẹn đến cổng bến xe B ở khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương để giao 02 bộ giấy phép lái xe hạng A1 bao gồm: 02 giấy phép lái xe hạng A1, 02 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 02 giấy khám sức khỏe của người lái xe giả, có thông tin cá nhân, hình ảnh của Phan Thị Mỹ L và Phan Thị Trúc M với số tiền 2.400.000 đồng. Sau khi nhận các tài liệu trên D điều khiển xe mô tô kiểu dáng Wave, không biển số đi đến nhà T, đường N, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương để giao 02 bộ giấy phép lái xe hạng A1 gồm 02 giấy phép lái xe hạng A1, 02 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 02 giấy khám sức khỏe của người lái xe trên cho L và được L trả số tiền 3.800.000 đồng. Sau khi nhận được 02 bộ giấy phép lái xe hạng A1 từ D, L đưa 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 01 giấy khám sức khỏe của người lái xe có hình ảnh, thông tin cá nhân của M và nhận 1.900.000 đồng của M. Tuy nhiên, L và M đều chưa sử dụng các giấy phép lái xe hạng A1, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, giấy khám sức khỏe của người lái xe trên.

Lần thứ hai: Vào khoảng tháng 11 năm 2021, Nguyễn Thị T và Dương Văn H1 được M kể về việc đặt làm 01 bộ giấy phép lái xe hạng A1 như trên. Đến ngày 22 tháng 11 năm 2021, T nhờ M đặt làm 01 bộ giấy phép lái xe hạng A1. Muội liên nhờ L đặt dùm làm 01 bộ giấy phép lái xe hạng A1 cho T, thì L đồng ý. Muội cho T số điện thoại và tài khoản Zalo của L để liên hệ. Sau đó, T sử dụng tài khoản Zalo của mình gửi hình ảnh chân dung và hình ảnh 02 mặt

chứng minh nhân dân của T đến tài khoản Zalo của L để đặt làm dùm 01 bộ giấy phép lái xe hạng A1. Tương tự như T, vào ngày 23 tháng 11 năm 2021, H1 cũng nhờ Muội liên hệ để đặt 01 bộ giấy phép lái xe hạng A1 như trên thì M đồng ý. H1 sử dụng tài khoản Zalo của mình gửi hình ảnh chân dung và hình ảnh 02 mặt chứng minh nhân dân của H1 đến tài khoản Zalo của M để nhờ đặt làm 01 bộ giấy phép lái xe hạng A1. Sau khi nhận được hình ảnh và thông tin của H1, M liền gửi các hình ảnh và thông tin trên cho L để đặt làm 01 giấy phép lái xe hạng A1, mang tên Dương Văn H1. L sử dụng tài khoản Facebook của mình gửi các hình ảnh trên đến tài khoản Facebook của Huỳnh Văn D, đặt làm 02 bộ giấy phép lái xe hạng A1, mang tên Nguyễn Thị T và Dương Văn H1. Tương tự thủ đoạn như lần trước, D sử dụng tài khoản Zalo của D gửi các hình ảnh trên đến tài khoản Zalo tên "G" để đặt làm 02 bộ giấy phép lái xe hạng A1 bao gồm 02 giấy phép lái xe hạng A1, 02 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 02 giấy khám sức khỏe của người lái xe giả, có thông tin cá nhân, hình ảnh của T và H1. Khoảng 10 ngày sau, D được một nam thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) hẹn đến cổng bến xe B ở khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương để giao 02 bộ giấy phép lái xe hạng A1 gồm 02 giấy phép lái xe hạng A1, 02 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 02 giấy khám sức khỏe của người lái xe giả, có thông tin cá nhân, hình ảnh của Nguyễn Thị T và Dương Văn H1 với số tiền 2.700.000 đồng. Sau khi D nhận 02 bộ giấy phép lái xe hạng A1 như trên, thì D điều khiển xe mô tô kiểu dáng Wave, không biển số đi đến nhà trọ Kim T3 ở đường N, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương giao 02 giấy phép lái xe hạng A1, 02 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 02 giấy khám sức khỏe của người lái xe trên cho L và nhận từ L số tiền 3.800.000 đồng. L sau khi nhận giấy phép lái xe và tài liệu từ D, L liền đưa 02 giấy phép lái xe hạng A1, 02 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 02 giấy khám sức khỏe của người lái xe trên cho M. Muội trực tiếp đưa 02 giấy phép lái xe hạng A1, 02 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 02 giấy khám sức khỏe của người lái xe trên cho T và H1 và nhận mỗi người số tiền 1.900.000 đồng để đưa cho L. Tuy nhiên, T và H1 đều chưa sử dụng các giấy phép lái xe hạng A1, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, giấy khám sức khỏe của người lái xe trên.

Lần thứ ba: Tương tự như những lần trước, Huỳnh Văn G1 được H1 kể về việc mình làm 01 bộ giấy phép lái xe hạng A1, nên G1 nhờ H1 đặt làm 01 bộ giấy phép lái xe hạng A1 để sử dụng. Ngày 19 tháng 12 năm 2021, H1 sử dụng điện thoại di động chụp ảnh chân dung, 02 mặt chứng minh nhân dân của G1. H1 sử dụng tài khoản Zalo của mình gửi các hình ảnh trên đến tài khoản Zalo của M để nhờ đặt làm 01 bộ giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Huỳnh Văn G1. Ngày 22 tháng 12 năm 2021, M gửi hình ảnh và thông tin của G1 đến tài khoản Facebook của Huỳnh Văn D để đặt làm 01 bộ giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Huỳnh Văn G1. Sau khi nhận được tin nhắn như trên, D sử dụng tài khoản Zalo của mình gửi các hình ảnh và thông tin trên đến tài khoản Zalo tên "G" đặt làm 01 bộ giấy phép lái xe hạng A1 gồm 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 01 giấy khám sức khỏe của người lái xe, có hình ảnh, thông tin cá nhân của Huỳnh Văn G1 với giá tiền là 1.200.000 đồng.

Đến ngày 05 tháng 01 năm 2022, D đến Bru điện huyện B, tỉnh Bình Dương để nhận 01 bộ giấy phép lái xe hạng A1 gồm 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 01 giấy khám sức khỏe của người lái xe, có hình ảnh, thông tin cá nhân của Huỳnh Văn G1 thì bị lực lượng công an huyện B phát hiện, nên mời Dện, L, M, H1, T về để làm việc và tạm giữ tang vật bao gồm:

+ 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số: 910214013809, mang tên: Phan Thị Mỹ L, sinh năm: 1994, nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang do Sở giao thông vận tải tỉnh K cấp ngày 10/5/2021 (kí hiệu A1).

+ 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số: 910214089502, mang tên: Phan Thị Trúc M, sinh năm: 2003, nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang do Sở giao thông vận tải tỉnh K cấp ngày 10/5/2021 (kí hiệu A2).

+ 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số: 960216157852, mang tên: Dương Văn H1, sinh năm: 2002, nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau do Sở giao thông vận tải tỉnh C cấp ngày 10/5/2021 (kí hiệu A3)

+ 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số: 960216157852, mang tên: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1991, nơi cư trú: ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau do Sở giao thông vận tải tỉnh C cấp ngày 10/5/2021 (kí hiệu A4)

+ 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số: 950213014299, mang tên: Huỳnh Văn G1, sinh năm: 1994, nơi cư trú: xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu do Sở giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 10/5/2021 (kí hiệu A5).

+ 02 (hai) biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, có hình ảnh, không ghi thông tin, đề ngày: 25/4/2021, có hình dấu tròn có nội dung **"*BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI* CỤC GIAO THÔNG VẬN TẢI - TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE TRUNG ƯƠNG"** (kí hiệu A6 và A7).

+ 01 (một) biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, có hình ảnh, không ghi thông tin, không đề ngày, có hình dấu tròn có nội dung **"*BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI* CỤC GIAO THÔNG VẬN TẢI - TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE TRUNG ƯƠNG"** (kí hiệu A8).

+ 02 (hai) giấy khám sức khỏe của người lái xe, có hình ảnh, không ghi thông tin, đề ngày: 21/4/2021, có hình dấu tròn có nội dung **"*BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI* CỤC Y TẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG"** (kí hiệu A9 và A10).

+ 01 (một) giấy khám sức khỏe của người lái xe, có hình ảnh, không ghi thông tin, không đề ngày, có hình dấu tròn có nội dung **"*BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI* CỤC Y TẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG"** (kí hiệu A11).

+ 02 (hai) giấy khám sức khỏe của người lái xe, có hình ảnh, không ghi thông tin, đề ngày: 21/4/2021, có hình dấu tròn có nội dung **"*BỘ GIAO**

THÔNG VẬN TẢI* CỤC Y TẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG" (kí hiệu A1 và A2).

+ 02 (hai) biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, có hình ảnh, không ghi thông tin, đề ngày: 25/4/2021, có hình dấu tròn có nội dung "*BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI* CỤC GIAO THÔNG VẬN TẢI - TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE TRUNG ƯƠNG" (kí hiệu A3 và A4).

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: Redmi 9A, màu: xanh số IMEI 1: 869991051698363, số IMEI 2: 869991052778362 của Huỳnh Văn D.

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: Realme 5S, màu xanh, số IMEI 1: 863800041405035, số IMEI 2: 863800041405027 của Phan Thị Mỹ L.

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: Redmi 9A, màu xanh, số IMEI 1: 864358053838865, số IMEI 2: 864358053838873 của Phan Thị Trúc M.

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: OPPO A16, màu xanh, số IMEI 1: 860817050370416, số IMEI 2: 860817050370408 của Nguyễn Thị T.

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: Iphone 8 Plus, màu đen, số IMEI: 356768085725564 của Dương Văn H1.

Lần thứ tư: Đang trong quá trình điều tra xác minh vụ án trên, thì ngày 19 tháng 3 năm 2022, D tiếp tục sử dụng tài khoản Zalo của mình gửi thông tin cá nhân của Huỳnh Văn D đến tài khoản Zalo tên "Trần Gia K" để đặt làm 01 chứng chỉ vận hành thiết bị nâng với giá tiền 1.800.000 đồng nhằm mục đích sử dụng để xin việc làm. Khoảng 03 ngày sau, một thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) hẹn D đến cổng bến xe B ở khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương để giao 01 chứng chỉ vận hành thiết bị nâng, mang tên Huỳnh Văn D cho bị can Huỳnh Văn D với số tiền 1.800.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi đặt làm 01 chứng chỉ vận hành thiết bị nâng trên, Huỳnh Văn D chưa sử dụng và đã tự nguyện giao nộp 01 (một) chứng chỉ đào tạo vận hành thiết bị nâng, mang tên Huỳnh Văn D, sinh ngày: 01/01/1986, số hiệu: 126318/CC-DTTX/TM21, số vào sổ cấp chứng chỉ: 126318 do T4 Kinh tế kỹ thuật miền N cấp ngày 18/10/2021 cho Công an huyện B.

Tại bản kết luận định giám định số 300/KL–KTHS(TL) ngày 11 tháng 07 năm 2022, Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận như sau:

1/ Năm (05) “Giấy phép lái xe” (PET) tài liệu cần giám định (kí hiệu từ A1 đến A) là giả.

2/ Hình dấu tròn trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A6 đến A11) là giả bằng phương pháp in màu điện tử.

Tại bản kết luận định giám định số 363/KL–KTHS(TL) ngày 26 tháng 08 năm 2022, Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận như sau:

Hình dấu tròn có nội dung “* BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI * CỤC Y TẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG” và “* BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI * CỤC GIAO THÔNG VẬN TẢI

– TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE TRUNG ƯƠNG” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A4) là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Tại bản kết luận giám định số 254/KL–KTHS(TL) ngày 19/06/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận như sau:

Hình dấu tròn có nội dung “* M.S.C.N:0312826320-005 * CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN G2 – TRƯỜNG KINH TẾ KỸ THUẬT MIỀN NAM” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với hình dấu tròn có nội dung trên tài liệu mẫu (ký hiệu M) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định.

Đối với Huỳnh Văn D đã thừa nhận hành vi phạm tội trên. Huỳnh Văn D đã cung cấp thông tin cá nhân, hình ảnh để làm giả 05 bộ giấy phép lái xe hạng A1 bao gồm: 05 giấy phép lái xe hạng A1, 05 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 05 giấy khám sức khỏe của người lái xe nhằm mục đích thu lợi bất chính số tiền 2.500.000 đồng và cung cấp thông tin cá nhân, hình ảnh để làm giả 01 chứng chỉ vận hành thiết bị nâng để xin việc làm nhưng chưa sử dụng. Do đó, đủ yếu tố cấu thành tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Đối với Phan Thị Mỹ L, Phan Thị Trúc M, Dương Văn H1, Nguyễn Thị T không nhận thức được giấy phép lái xe hạng A1, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe và giấy khám sức khỏe của người lái xe do Huỳnh Văn D đặt làm là giả. Tuy nhiên, các bị cáo L, M, H1 và T nhận thức được theo quy định của pháp luật là bắt buộc phải thi sát hạch lái xe thì mới được cấp giấy phép lái xe hạng A1. Quá trình điều tra, L, M, H1 và T nhận thức được việc cung cấp thông tin cá nhân, hình ảnh của mình để đặt Huỳnh Văn D làm giấy phép lái xe hạng A1 giả là vi phạm pháp luật. Ngoài ra, L, M, H1, T được cam kết có hồ sơ gốc kèm theo khi đặt làm giấy phép lái xe hạng A1. Khi nhận giấy phép lái xe hạng A1 kèm theo biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe và giấy khám sức khỏe của người lái xe thì L, M, H1, T đều nhận, cất giữ đầy đủ các tài liệu trên. Do đó, hành vi của Phan Thị Mỹ L, Phan Thị Trúc M, Dương Văn H1, Nguyễn Thị T đủ yếu tố cấu thành tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Đối với Huỳnh Văn G1 có hành vi nhờ H1, đặt Dện làm 01 bộ giấy phép lái xe hạng A1. Tuy nhiên, G1 chưa nhận được các giấy tờ nêu trên từ Dện. Hành vi của Huỳnh Văn G1 có dấu hiệu của tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Bộ luật Hình sự, do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không khởi tố đối với G1.

Đối với đối tượng (không rõ họ tên, địa chỉ) mà D đặt làm giấy phép lái xe và các tài liệu qua mạng xã hội Facebook và Z và thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) giao giấy phép lái xe và tài liệu liên quan cho D, hiện Cơ quan Cảnh

sát điều tra Công an huyện B đang xác minh làm rõ khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Đối với số tiền 2.500.000 đồng là số tiền thu lợi bất chính từ việc làm giả giấy phép lái xe của Huỳnh Văn D.

Đối với vật chứng bao gồm: 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số: 910214013809, mang tên: Phan Thị Mỹ L; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số: 910214089502, mang tên: Phan Thị Trúc M; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số: 960216157852, mang tên: Dương Văn H1; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số: 960216157852, mang tên: Nguyễn Thị T; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, số: 950213014299, mang tên: Huỳnh Văn G1; 04 (bốn) biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, có hình ảnh, không ghi thông tin, đề ngày: 25/4/2021; 01 (một) biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, có hình ảnh, không ghi thông tin, không đề ngày; 04 (bốn) giấy khám sức khỏe của người lái xe, có hình ảnh, không ghi thông tin, đề ngày: 21/4/2021; 01 (một) giấy khám sức khỏe của người lái xe, có hình ảnh, không ghi thông tin, không đề ngày, là vật chứng quan trọng của vụ án nên được đưa vào hồ sơ làm tài liệu cho hồ sơ.

Đối với: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: Redmi 9A, màu: xanh số IMEI 1: 869991051698363, số IMEI 2: 869991052778362 của Huỳnh Văn D; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: Realme 5S, màu xanh, số IMEI 1: 863800041405035, số IMEI 2: 863800041405027 của Phan Thị Mỹ L; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: Redmi 9A, màu xanh, số IMEI 1: 864358053838865, số IMEI 2: 864358053838873 của Phan Thị Trúc M; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: OPPO A16, màu xanh, số IMEI 1: 860817050370416, số IMEI 2: 860817050370408 của Nguyễn Thị T; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: Iphone 8 Plus, màu đen, số IMEI: 356768085725564 của Dương Văn H1, là phương tiện mà D, L, M, T, H1 dùng vào việc phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của các bị cáo Huỳnh Văn D, Phan Thị Trúc M, Phan Thị Mỹ L, Dương Văn H1 và Nguyễn Thị T đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Bản Cáo trạng số 63/CT-VKSBB ngày 18 tháng 6 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Huỳnh Văn D, Phan Thị Trúc M, Phan Thị Mỹ L và Dương Văn H1 về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa rút một phần quan điểm truy tố, đề nghị truy tố, hành vi của bị cáo Huỳnh Văn D về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố các bị cáo Phan Thị Trúc M, Phan

Thị Mỹ L và Dương Văn H1 về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Huỳnh Văn D, Đề nghị xử phạt bị cáo D từ 03 năm đến 4 năm tù.

+ Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 341, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phan Thị Trúc M, Phan Thị Mỹ L, Đề nghị xử phạt bị cáo M, bị cáo L mỗi bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 04 năm đến 05 năm.

+ Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 341, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Dương Văn H1, xử phạt bị cáo H1 từ 02 năm đến 02 năm 04 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 08 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 341, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị T, xử phạt bị cáo T từ 06 tháng đến 08 tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm đến 01 năm 04 tháng

- Về biện pháp tư pháp: áp dụng các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, buộc bị cáo D nộp ngân sách nhà nước 2.500.000 do phạm tội mà có.

- Về vật chứng: áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động, nhãn hiệu: Redmi 9A, màu xanh của bị cáo D; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu: Realme 5S, màu xanh của bị cáo L; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu: Redmi 9A, màu xanh của bị cáo M; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu: Iphone 8 Plus, màu đen của bị cáo H1 và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu: OPPO A16, màu xanh của bị cáo T do các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội.

Đối với các vật chứng gồm các tài liệu giả và các giấy tờ, tài liệu khác đều được lưu trong hồ sơ vụ án là phù hợp.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Thị Trúc M và Phan Thị Mỹ L bào chữa cho các bị cáo, nội dung như sau:

Về tội danh: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố các bị cáo Phan Thị Trúc M và Phan Thị Mỹ L là đúng người, đúng tội.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có công với cách mạng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương.

Trong vụ án này, đối tượng làm giả bằng lái hết sức tinh vi, các bị cáo không nhận thức được bằng được nhận là bằng giả, do tình hình dịch bệnh C – 19 giãn cách xã hội, các bị cáo trình độ học vấn thấp, nhận thức không cao nên cho rằng việc mua bằng là bằng được làm thật, không phải bằng giả.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng khoản Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo hưởng án treo là phù hợp quy định pháp luật.

Các bị cáo Huỳnh Văn D, Phan Thị Trúc M, Phan Thị Mỹ L, Dương Văn H1 và Nguyễn Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Huỳnh Văn G1 vắng mặt.

Bị cáo Huỳnh Văn D nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Phan Thị Trúc M nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Phan Thị Mỹ L nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Dương Văn H1 nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị T nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Có căn cứ xác định:

Từ tháng 10/2021 đến tháng 01/2022, Huỳnh Văn D đã 04 lần liên hệ qua mạng xã hội Facebook, Z để cung cấp hình ảnh, thông tin của Dận, của Phan Thị Mỹ L, Phan Thị Trúc M, Dương Văn H1, Nguyễn Thị T và Huỳnh Văn G1 đặt làm giả 06 tài liệu, gồm: 01 chứng chỉ đào tạo vận hành thiết bị nâng giả; 05 giấy phép lái xe hạng A1 giả, thu lợi bất chính tổng số tiền là 2.500.000 đồng. Bị cáo D làm giả 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên, hành vi của bị cáo D đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Vào các ngày 18/10/2021 và 23/11/2021, Phan Thị Mỹ L đã có hành vi cung cấp hình ảnh và thông tin của L, Phan Thị Trúc M, Nguyễn Thị T, Dương Văn H1 cho Huỳnh Văn D để đặt làm 04 giấy phép lái xe hạng A1 giả.

Vào các ngày 18/10/2021; 22, 23/11/2021 và 22/12/2021, Phan Thị Trúc M có hành vi giúp sức cho Nguyễn Thị T và cung cấp hình ảnh, thông tin của M, Dương Văn H1 và Huỳnh Văn G1 cho L và D để đặt 04 giấy phép lái xe hạng A1 giả.

Vào ngày 23/11/2021 và 19/12/202, Dương Văn H1 có hành vi cung cấp hình ảnh, thông tin của H1 và Huỳnh Văn G1 cho M để đặt làm 02 giấy phép lái xe hạng A1 giả.

Bị cáo L, M và H1 phạm tội 02 lần trở lên và làm từ 02 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác. Hành vi của bị cáo L, M, H1 đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Vào ngày 22/11/2021, Nguyễn Thị T có hành vi cung cấp hình ảnh, thông tin của T cho L để đặt làm 01 giấy phép lái xe hạng A1 giả. Bị cáo T làm giả 01 tài liệu của cơ quan, tổ chức, hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Mục đích Huỳnh Văn D, Phan Thị Mỹ L, Phan Thị Trúc M, Dương Văn H1 và Nguyễn Thị T đặt giấy phép lái xe giả về để sử dụng, tuy nhiên chưa sử dụng thì phát hiện.

[3] Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tại phiên tòa: các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi cung cấp hình ảnh, thông tin cá nhân của các bị cáo và của người khác để làm giả giấy phép lái xe, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe và giấy khám sức khỏe mục đích sử dụng.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

[5.1] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Vì mục đích tư lợi, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý con dấu, tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức.

[5.2] Về nhân thân: tại thời điểm phạm tội, các bị cáo không bị kết án, không bị xử lý hành chính, xét về nhân thân của các bị cáo là tốt.

[5.3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Huỳnh Văn D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các bị cáo Phan Thị Trúc M, Phan Thị Mỹ L, Dương Văn H1, Nguyễn Thị T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo M, L có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình có công cách mạng có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; bị cáo L, T có con còn nhỏ, các bị cáo có trình độ học vấn thấp, khả năng nhận thức về pháp luật chưa cao nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5.4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Huỳnh Văn D phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 .

[6] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó: bị cáo D là người chủ mưu, trực tiếp liên hệ qua mạng xã hội để cung cấp hình ảnh và thông tin của các bị cáo còn lại và của G1 đặt làm giấy tờ giả, thu lợi bất chính 2.500.000 đồng. Do đó, bị cáo D vừa là người tổ chức vừa là người thực hành. Bị cáo L, M cung cấp thông tin, hình ảnh cho D nên đồng phạm với bị cáo D để làm giả giấy tờ. Bị cáo H1 cung cấp thông tin, hình ảnh cho M nên đồng phạm với bị cáo M để làm giả giấy tờ. Bị cáo T với cung cấp thông tin, hình ảnh cho L nên đồng phạm với bị cáo L làm giả giấy tờ. Do đó, các bị cáo L, M, H1, T là người thực hành. Hội đồng xét xử xét áp dụng các Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Xét, tình hình tội phạm về trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý con dấu, tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức diễn biến

phức tạp, hành vi phạm tội ngày càng tinh vi. Hành vi của các bị cáo ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Xét, bị cáo L, M, H1, T có nhân thân tốt, trình độ học vấn các bị cáo thấp nên khả năng nhận thức về pháp luật chưa cao, trong vụ án này các bị cáo không có mục đích tư lợi. Các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các lần phạm tội, vai trò đồng phạm của các bị cáo không đáng kể. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan có thẩm quyền giám sát, giáo dục; việc không bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù thì các bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng xét Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, cho bị cáo hưởng án treo là đã đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

[10] Về các vấn đề khác:

Đối với Huỳnh Văn G1 có hành vi nhờ H1, đặt Dận làm 01 bộ giấy phép lái xe hạng A1. Giới chưa nhận được các giấy tờ nêu trên từ Dận. Hành vi của Huỳnh Văn G1 có dấu hiệu của tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Bộ luật Hình sự, do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không khởi tố đối với G1 là có căn cứ.

Đối tượng làm các tài liệu giả qua mạng xã hội và đối tượng giao các tài liệu giả cho bị cáo D không rõ họ tên, địa chỉ; khi nào xác minh làm rõ sẽ xử lý sau.

[11] Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo D nộp ngân sách nhà nước 2.500.000 đồng do phạm tội mà có theo điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] Về xử lý vật chứng:

Các vật chứng gồm các tài liệu giả và các giấy tờ, tài liệu khác đã được lưu trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

01 điện thoại di động, nhãn hiệu: Redmi 9A, màu xanh của bị cáo D; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu: Realme 5S, màu xanh của bị cáo L; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu: Redmi 9A, màu xanh của bị cáo M; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu: Iphone 8 Plus, màu đen của bị cáo H1 và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu: OPPO A16, màu xanh của bị cáo T là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Huỳnh Văn D;

Các điểm b, c khoản 2 Điều 341, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Phan Thị Mỹ L, Phan Thị Trúc M và Dương Văn H1;

Khoản 1 Điều 341, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị T;

Các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Các Điều 106, 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Các Điều 6, 23 Mục 1 Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn D, Phan Thị Mỹ L, Phan Thị Trúc M, Dương Văn H1 và Nguyễn Thị T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn D 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31 tháng 8 năm 2022.

2.2 Xử phạt bị cáo Phan Thị Mỹ L 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm 04 (bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao người được hưởng án treo Phan Thị Mỹ L cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.3 Xử phạt bị cáo Phan Thị Trúc M 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm 04 (bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao người được hưởng án treo Phan Thị Trúc M cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.4 Xử phạt bị cáo Dương Văn H1 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án.

Giao người được hưởng án treo Dương Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án.

Giao người được hưởng án treo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Huỳnh Văn D phải nộp 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

4. Về vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A, màu xanh, số Imei 1: 869991051698363, số Imei 2: 869991052778362 (đã qua sử dụng) của bị cáo Huỳnh Văn D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 5S, màu xanh, số Imei 1: 863800041405035, số Imei 2: 863800041405027 (đã qua sử dụng) của bị cáo Phan Thị Mỹ L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A, màu xanh, số Imei 1: 864358053838865, số Imei 2: 864358053838873 (đã qua sử dụng) của bị cáo Phan Thị Trúc M; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đen, số Imei: 356768085725564 (đã qua sử dụng) của bị cáo Dương Văn H1 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16, màu xanh, số Imei 1: 860817050370416, số Imei 2: 860817050370408 (đã qua sử dụng) của bị cáo Nguyễn Thị T (theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08 tháng 8 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương).

5. Về án phí: Các bị cáo Huỳnh Văn D, Phan Thị Mỹ L, Phan Thị Trúc M, Dương Văn H1 và Nguyễn Thị T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- PV06 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân (nếu có);
- UBND thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;
- UBND xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;
- UBND xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết